

**Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ
Prudential Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 48

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (“Công ty”) là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh mới nhất số 2138/GPĐC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 15GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08 tháng 09 năm 2011 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC9/KDBH ngày 19 tháng 03 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, dịch vụ tái bảo hiểm và các hoạt động đầu tư khác theo các quy định hiện hành.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 17, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh và 16 chi nhánh, văn phòng, đại diện và địa điểm kinh doanh trên khắp cả nước tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Ông Tan Thean Oon Dennis	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2022
Ông David Charles Thomson Stuart	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2024
Ông Kevin Joong Kwon	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2025
Ông Trần Quang Hoan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2026

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Kevin Joong Kwon	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2025
Ông Conor Martin O'Neill	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2024
Ông Manish Gurbuxani	Phó Tổng Giám đốc Chiến lược và Chuyển đổi Mô hình hoạt động	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2025 Miễn nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2026
Ông Hsu Chih Sheng	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kênh Đại lý	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 06 năm 2025
Ông Billy Hoiwai Lutton-Wong	Chuyên gia Tính toán	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2025
Bà Lê Hương Ly	Phó Tổng Giám đốc Pháp lý Truyền thông và Đối ngoại	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2025
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2025
	Quyền Phó Tổng Giám đốc Khối Công nghệ và Giao dịch Bảo hiểm	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2025
Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc Giao dịch Bảo hiểm	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 09 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026
Bà Nguyễn Liên Phương	Phó Tổng Giám đốc Tuân thủ và Rủi ro	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2025
Ông Matthew Min	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kênh Đối tác	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2025
Ông Li Terry Hung Sun	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kênh Đối tác	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2025 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026
Ông Phùng Bá Khang	Phó Tổng Giám đốc khối Khách hàng, Tiếp thị và Sản phẩm	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2026
Ông Manish Gurbuxani	Quyền Phó Tổng Giám đốc tiếp thị và khách hàng	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 08 năm 2025 Miễn nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2026
Bà Nguyễn Tâm Thanh	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 07 năm 2026
Bà Trần Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2025 Miễn nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thời kỳ
Conor Martin O'Neill (*)	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Từ ngày 07 tháng 02 năm 2025
Kevin Joong Kwon (*)	Tổng giám đốc	Từ ngày 03 tháng 07 năm 2025

(*) Ông Kevin Joong Kwon, Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật thứ nhất. Ông Conor Martin O'Neill, Phó Tổng Giám đốc Tài chính là người đại diện theo pháp luật thứ hai.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng năm tài chính một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:


Kevin Joong Kwon
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2026

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu B01a – DNNT

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		47.585.350	51.782.536
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.483.884	4.986.047
1. Tiền	111		3.270.561	3.681.047
2. Các khoản tương đương tiền	112		213.323	1.305.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	41.758.314	44.236.762
1. Đầu tư ngắn hạn	121		41.758.314	44.236.762
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.265.213	2.486.962
1. Phải thu của khách hàng	131		1.359.829	2.038.385
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	1.359.652	2.038.294
1.2 Phải thu khác của khách hàng	131.2		177	91
2. Trả trước cho người bán	132		24.195	28.182
3. Các khoản phải thu khác	135	7	976.717	514.316
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(95.528)	(93.921)
IV. Hàng tồn kho	140		4.234	5.813
1. Hàng tồn kho	141		4.234	5.813
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		73.705	66.952
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		73.609	66.933
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(a)	96	19
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		149.169.500	147.072.393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.740.317	73.400
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	3.740.317	73.400
1.1 Ký quỹ bảo hiểm	218.1		26.000	26.000
1.2 Phải thu dài hạn khác	218.2		3.714.317	47.400
II. Tài sản cố định	220		239.975	279.377
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	89.531	111.608
Nguyên giá	222		419.860	418.538
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(330.329)	(306.930)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	119.683	153.778
Nguyên giá	228		830.245	828.776
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(710.562)	(674.998)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	30.761	13.991
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	140.464.633	138.313.166
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.000	25.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		140.439.633	138.288.166
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.724.575	8.406.450
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.161.495	7.845.675
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29.3	563.080	560.775
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		196.754.850	198.854.929

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu B01a – DNNT

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		169.268.634	168.611.670
I. Nợ ngắn hạn	310		13.037.503	13.238.394
1. Phải trả cho người bán	312		9.598.647	9.301.753
1.1 Phải trả về hoạt động bảo hiểm	312.1	14	9.298.738	9.097.225
1.2 Phải trả khác cho người bán	312.2		299.909	204.528
2. Thuế phải nộp Nhà nước	314	15(b)	55.171	682.489
3. Phải trả người lao động	315		1.599	6.718
4. Chi phí phải trả	316	16	2.644.359	2.541.712
5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	17	737.727	705.722
<i>Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i>	319.1		223.908	202.163
II. Nợ dài hạn	330		156.231.131	155.373.276
1. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	24.096	23.871
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		365.379	50.573
3. Dự phòng nghiệp vụ	344	19	155.841.656	155.298.832
3.1 Dự phòng toán học	344.1		132.215.040	132.966.253
3.2 Dự phòng phí chưa được hưởng	344.2		456.302	504.237
3.3 Dự phòng bồi thường	344.3		2.854.216	2.823.592
3.4 Dự phòng chia lãi	344.4		19.769.625	18.512.482
3.5 Dự phòng bảo đảm cân đối	344.5		396.320	368.312
3.6 Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	344.7		150.153	123.956
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		27.486.216	30.243.259
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	27.486.216	30.243.259
1. Vốn góp	411		7.697.750	7.697.750
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		769.775	769.775
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.018.691	21.775.734
3.1 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.671.734	17.905.613
3.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.346.957	3.870.121
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		196.754.850	198.854.929

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu B01a – DNNT

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
1. Ngoại tệ (USD & GBP)		8.396	486
2. Hợp đồng thuê hoạt động	31	276.329	240.349



Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo



Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng



Kevin Joong Kwon
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2026



Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu B02a – DNNT

PHẦN 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	8.219.437	9.575.990
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	6.077.711	4.220.650
3. Thu nhập khác	13	2.293	2.238
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	9.043.819	10.407.343
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	380.979	325.004
6. Chi phí bán hàng	23	665.714	953.699
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.769.056	1.301.221
8. Chi phí khác	25	9.922	6
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24 - 25)	50	2.429.951	811.605
10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	85.299	226.395
11. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	(2.305)	(93.188)
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	2.346.957	678.398

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B02a – DNNT
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 - 01.3)	01	21	8.489.808	9.851.383
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		8.441.873	9.782.091
- Giảm dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc	01.3		(47.935)	(69.292)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02	22	271.185	280.970
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		8.218.623	9.570.413
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04		814	5.577
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		8.219.437	9.575.990
6. Chi bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác	11	23	8.368.060	7.410.280
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	23	191.979	254.317
8. Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	13		590.759	2.903.330
9. Tổng chi bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác (15 = 11 - 12 + 13)	15	23	8.766.840	10.059.293
10. Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác (16 = 16.1 + 16.2)	16	24	276.979	348.050
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	16.1		269.038	334.455
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	16.2		7.941	13.595
11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)	17		9.043.819	10.407.343
12. Lỗ gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 - 17)	18		(824.382)	(831.353)
13. Doanh thu hoạt động tài chính	22	25	6.077.711	4.220.650
14. Chi phí hoạt động tài chính	23	26	380.979	325.004

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B02a – DNNT
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

PHẦN 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
15. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (24 = 22 - 23)	24		5.696.732	3.895.646
16. Chi phí bán hàng	25	27	665.714	953.699
17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	1.769.056	1.301.221
18. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 24 - 25 - 26)	30		2.437.580	809.373
19. Thu nhập khác	31		2.293	2.238
20. Chi phí khác	32		9.922	
21. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(7.629)	2.232
22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.429.951	811.605
23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	85.299	226.395
24. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	29.3	(2.305)	(93.188)
25. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.346.957	678.398



Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo



Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng




Kevin Joong Kwon
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2026

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03a – DNNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.429.951	811.605
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao và phân bổ	02	9,10	66.300	101.508
Các khoản dự phòng	03		860.768	2.811.559
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(768)	3.584
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.077.948)	(4.224.297)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(2.721.697)	(496.041)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(3.339.514)	705.296
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		1.579	(4.586)
Tăng các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		398.620	260.033
Giảm chi phí trả trước	12		3.677.504	66.362
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(684.076)	(547.875)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20		(2.667.584)	(16.811)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	9,10	(28.092)	(38.190)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.028	597
Tiền chi tạm ứng cho chủ hợp đồng, mua các công cụ nợ	23		(4.342.509)	(5.275.795)
Tiền thu hồi tạm ứng cho chủ hợp đồng, bán lại các công cụ nợ	24		4.261.856	5.519.846
Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng và mua chứng khoán vốn	25		(41.696.291)	(21.713.764)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và bán chứng khoán vốn	26		43.000.246	17.375.737
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.074.455	5.187.876
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.270.693	1.056.307
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	31		(5.104.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.104.000)	-

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B02a – DNNT
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.500.891)	1.039.496
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4	4.986.047	6.505.158
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.272)	123
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	3.483.884	7.544.777



Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo



Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng




Kevin Joong Kwon
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2026



Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (“Công ty”) là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh mới nhất số 2138/GPĐC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 15GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08 tháng 09 năm 2011 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC9/KDBH ngày 19 tháng 03 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, dịch vụ tái bảo hiểm và các hoạt động đầu tư khác theo các quy định hiện hành.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 17, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh và 16 chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh trên khắp cả nước tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 1.302 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.382 người).

Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán.	100%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 03 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 65/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 06 năm 2026. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty con đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303827455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 06 năm 2026.

11/10/2026

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính mà không có hướng dẫn trong thông tư 199 được Công ty áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp. Các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị được đo lường theo giá trị hợp lý như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(ii).

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn tới hàng triệu gần nhất ("Triệu VND").

(e) Hình thức sổ sách kế toán

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(a) Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, ngoại trừ thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới: Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(a) Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định của Thông tư 99 như sau:

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, theo quy định tại Thông tư 99, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của khoản thanh toán tại ngày giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc mua và bán chứng khoán, bao gồm nhưng không giới hạn ở phí môi giới, phí giao dịch, phí cung cấp thông tin, các loại thuế và phí ngân hàng, đều được ghi nhận vào chi phí tài chính tại thời điểm phát sinh thay vì được vốn hóa vào giá trị khoản đầu tư như cách áp dụng trước đây. Công ty áp dụng thay đổi này trong chính sách kế toán trên cơ sở phi hồi tố.
- Lãi dự thu liên quan đến khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sẽ được ghi nhận vào giá trị gốc của chứng khoán liên quan thay vì ghi nhận vào khoản phải thu. Căn cứ vào thời hạn còn lại của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Công ty sẽ phân loại lại lãi dự thu liên quan đến khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ khoản phải thu sang các khoản đầu tư tài chính. Công ty đã điều chỉnh lại một số số liệu tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như trình bày tại Thuyết minh 32.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được lần lượt quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản tương ứng của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị (bao gồm quỹ chủ sở hữu, quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, quỹ chủ hợp đồng không tham gia chia lãi, quỹ liên kết chung và quỹ hưu trí tự nguyện)

Chứng khoán nợ

Các khoản đầu tư này đại diện cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp.

Chiết khấu và phụ trội phát sinh từ việc mua trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

Tuy nhiên, nếu phần phụ trội của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phân bổ hàng kỳ lớn hơn phần lãi theo lãi suất danh nghĩa hàng kỳ của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (nếu có) thì phần chênh lệch này được hạch toán vào chi phí tài chính.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

- (i) *Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị (bao gồm quỹ chủ sở hữu, quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, quỹ chủ hợp đồng không tham gia chia lãi, quỹ liên kết chung và quỹ hưu trí tự nguyện) (tiếp theo)*

Chứng khoán nợ (tiếp theo)

Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà việc cập nhật lãi suất thả nổi sẽ triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của công cụ thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ cho giai đoạn từ ngày mua tới ngày chốt lãi suất tiếp theo (ngày mà lãi suất danh nghĩa của trái phiếu được xác định theo biến động lãi suất trên thị trường).

Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường đồng thời chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của công cụ mà việc cập nhật lãi suất thả nổi không triệt tiêu được thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ trong suốt thời gian của công cụ.

Chứng khoán vốn

Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên Sàn chứng khoán dành cho công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, theo quy định tại Thông tư 99, chi phí của chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của khoản thanh toán tại ngày giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc mua và bán chứng khoán, bao gồm nhưng không giới hạn ở phí môi giới, phí giao dịch, phí cung cấp thông tin, các loại thuế và phí ngân hàng, đều được ghi nhận vào chi phí tài chính tại thời điểm phát sinh thay vì được vốn hóa vào giá trị khoản đầu tư như cách áp dụng trước đây.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi giá thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá thị trường tăng sau khi dự phòng đã được ghi nhận và chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments phát hành, được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi giá thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá thị trường tăng sau khi dự phòng đã được ghi nhận và chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc.

K2

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(ii) Các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị

Công ty đã áp dụng các chính sách để ghi nhận và đo lường các khoản đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ chứng khoán ("Thông tư 98"). Công ty đã áp dụng các chính sách sau đây để ghi nhận và đo lường các khoản đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, theo quy định tại Thông tư 99, chi phí đầu tư từ Quỹ liên kết đơn vị được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của khoản thanh toán tại ngày giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc mua và bán chứng khoán, bao gồm nhưng không giới hạn ở phí môi giới, phí giao dịch, phí cung cấp thông tin, các loại thuế và phí ngân hàng, đều được ghi nhận vào chi phí tài chính tại thời điểm phát sinh thay vì được vốn hóa vào giá trị khoản đầu tư như cách áp dụng trước đây.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định tại ngày báo cáo như sau:

► Trái phiếu niêm yết:

Các trái phiếu này được định giá lại dựa trên giá niêm yết bình quân gia quyền (còn được gọi là "giá sạch") hoặc các điều khoản tương tự theo quy định của sổ giao dịch chứng khoán trên nền tảng giao dịch mua bán thông thường vào ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo.

Nếu không có giao dịch nào trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày báo cáo thì giá trị hợp lý của trái phiếu là giá mua tại ngày báo cáo do các bên định giá độc lập cung cấp. Trong trường hợp không có báo giá thị trường hiện tại, trái phiếu niêm yết được định giá lại theo giá trị sau theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá giao dịch cuối cùng được sử dụng trong lần định giá trước đó được giữ nguyên cho đến khi có giá giao dịch mới hoặc giá được định giá bởi bên định giá cung cấp. Giá cũ này phải được theo dõi và sử dụng theo chính sách Giá cũ;
- Mệnh giá;
- Giá mua;
- Giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá phù hợp đã được chấp thuận bởi Ủy ban Định giá Nội bộ của Công ty.

► Trái phiếu chưa niêm yết:

Trái phiếu chưa niêm yết là trái phiếu không được giao dịch trên các sàn giao dịch đã được công nhận. Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết tại ngày báo cáo được xác định bằng cách sử dụng giá sạch do các bên định giá độc lập cung cấp.

AB

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(ii) Các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị (tiếp theo)

► Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UpCom:

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết (được niêm yết trên HOSE hoặc HNX) và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UpCom là giá đóng cửa trên HOSE hoặc HNX hoặc UpCom tại ngày giao dịch gần nhất cho đến ngày báo cáo. Nếu không có giá thị trường trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày báo cáo, giá trị hợp lý sẽ được xác định theo thứ tự sau đây:

- Giá mới nhất hiện có (giá cũ) được sử dụng trong lần định giá trước đó và không quá 90 ngày;
- Giá trị sổ sách được xác định theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;
- Giá mua;
- Giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá phù hợp đã được chấp thuận bởi Ủy ban Định giá Nội bộ của Công ty.

► Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi:

Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc.

(iii) Các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm

Các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận theo giá gốc.

(iv) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ của Công ty.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(v) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích dự} \\ \text{phòng giảm giá} \\ \text{đầu tư chứng} \\ \text{khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị khoản đầu tư} \\ \text{chứng khoán đang} \\ \text{hạch toán trên sổ kế} \\ \text{toán của doanh} \\ \text{nghiệp tại thời điểm} \\ \text{lập báo cáo tài chính} \\ \text{riêng giữa niên độ} \end{array} - \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng chứng} \\ \text{khoán doanh} \\ \text{nghiệp đang sở} \\ \text{hữu tại thời điểm} \\ \text{lập báo cáo tài} \\ \text{chính riêng giữa} \\ \text{niên độ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực} \\ \text{tế trên thị} \\ \text{trường} \end{array} \right)$$

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch tại UpCom, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động bảo hiểm và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(f) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------------|-----------|
| - Nâng cấp tài sản thuê | 3 năm |
| - Đồ đạc và thiết bị văn phòng | 4 - 6 năm |
| - Phương tiện vận chuyển | 6 năm |

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 8 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và phần mềm chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần hàng năm vào kết quả kinh doanh:

- ▶ Tiền thuê văn phòng trả trước;
- ▶ Phí khai thác bảo hiểm qua kênh ngân hàng;
- ▶ Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị, quảng bá;

(j) Phải trả hoạt động bảo hiểm và phải trả khác

Các khoản phải trả hoạt động bảo hiểm và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Lợi ích của nhân viên

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được từ đủ 12 tháng trở lên theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc cho khoảng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty nhưng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà chưa được chi trả khoản trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(k) Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp ốm đau, nghỉ hưu và thai sản

Trợ cấp nghỉ hưu, ốm đau và thai sản được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Công ty khi nghỉ hưu hoặc ốm đau, thai sản. Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội theo quy định.

Trợ cấp thất nghiệp

Theo quy định Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

(l) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bao gồm:

- (i) Dự phòng toán học
- (ii) Dự phòng phí chưa được hưởng
- (iii) Dự phòng bồi thường
- (iv) Dự phòng chia lãi
- (v) Dự phòng bảo đảm cân đối
- (vi) Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định của Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 (“Thông tư 67”) hướng dẫn thực hiện Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2023 (“Nghị định 46”) và Nghị định 97/2026/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 46 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 06 năm 2022 và Công văn số 16349/BTC-QLBH ngày 27 tháng 12 năm 2018 do Bộ Tài Chính ban hành.

Chính sách kế toán cho dự phòng nghiệp vụ như sau:

(i) Dự phòng toán học

Dự phòng toán học được trích lập cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm (ngoại trừ các hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư và hợp đồng bảo hiểm hưu trí), được tính bằng cách sử dụng các kỹ thuật tính phí theo phương pháp phí bảo hiểm thuần được chấp nhận rộng rãi. Việc xác định lãi suất kỹ thuật và dự phòng cho mức tử vong được ấn định tại một mức thận trọng và đã được Bộ Tài chính chấp thuận.

► ***Đối với các sản phẩm truyền thống***

Đối với các sản phẩm truyền thống với mức điều chỉnh hệ số Zillmer là 3%, phí bảo hiểm thuần được sử dụng để tính dự phòng không được cao hơn 100% phí bảo hiểm thực tế thu được.

Lãi suất kỹ thuật tối đa không thể vượt quá:

- 80% lãi suất bình quân của trái phiếu chính phủ có kỳ thời hạn từ 10 năm trở lên được phát hành trong vòng 24 tháng cho đến ngày báo cáo;
- tỷ suất đầu tư bình quân của 4 (bốn) quý liền kề trước đó của doanh nghiệp bảo hiểm; và
- lãi suất tính phí của từng sản phẩm bảo hiểm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(I) Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(i) Dự phòng toán học (tiếp theo)

► Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết chung:

- (i) dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung được tính theo một trong các phương pháp sau: Tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung cộng với khoản dự phòng nhằm đảm bảo cho việc chi trả giá trị tài khoản đối với các hợp đồng dự kiến xảy ra sự kiện bảo hiểm trong kỳ; giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(i);

cộng

- (ii) dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết;

cộng

- (iii) dự phòng rủi ro bảo hiểm là tổng số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng, thường duy trì hợp đồng và thường tri ân khách hàng.

► Đối với các hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị:

- (i) giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(ii);

cộng

- (ii) phí bảo hiểm chưa phân bổ;

cộng

- (iii) dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng, thường tăng trưởng và thường gắn kết.

► Đối với các hợp đồng bảo hiểm hưu trí:

- (i) giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(i);

cộng

- (ii) dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng.

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8 hoặc 1/24 theo phương pháp dự phòng trong Cơ sở kỹ thuật của từng sản phẩm đã được phê duyệt.

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết và cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường.

- Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết được ước tính cho các trường hợp bồi thường đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết tại ngày báo cáo. Dự phòng bồi thường cũng bao gồm các dự phòng bồi thường khác (như dự phòng cho các hợp đồng đang được miễn thu phí, đang được trả quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng cho các hợp đồng giáo dục mà bên mua bảo hiểm đã tử vong (bao gồm các sản phẩm Phú – An Gia Thành Tài, Phú – Đăng Khoa Thành Tài, Pru-Tương Lai Tươi Sáng, dự phòng cho việc hủy hợp đồng khi đang trong giai đoạn cân nhắc).

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(l) Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(iii) Dự phòng bồi thường (tiếp theo)

- Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo ("IBNR") là các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc chưa yêu cầu bồi thường tại ngày báo cáo. Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo được áp dụng cho các hợp đồng có thời hạn ít hơn một (01) năm và tái tục hàng năm theo Thông tư 67. Dự phòng bồi thường IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% của trung bình phí bảo hiểm quy năm cho 12 tháng của các hợp đồng còn hiệu lực theo Công văn số 917/BTC-QLBH ngày 17 tháng 1 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành và tỷ lệ 3% của doanh thu phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng cho các sản phẩm sức khỏe theo cơ sở kỹ thuật của sản phẩm đã được phê duyệt.

(iv) Dự phòng chia lãi

Theo Thông tư 67, Điều 39 dự phòng chia lãi chỉ áp dụng cho các hợp đồng tham gia chia lãi, bao gồm dự phòng cho phần lãi đã công bố và dự phòng cho phần lãi chưa công bố được sử dụng cho mục đích chia thêm lãi cho chủ hợp đồng trong tương lai, trong đó:

- Dự phòng chia lãi đã công bố bằng giá trị hiện tại của tổng các khoản bảo tức tích lũy đã công bố tính đến năm tài chính hiện hành, với cơ sở trích lập áp dụng tương tự như cơ sở trích lập dự phòng toán học.
- Dự phòng cho phần lãi chưa công bố (UPR) được sử dụng cho mục đích chia thêm lãi cho chủ hợp đồng trong tương lai. Dự phòng cho phần lãi chưa công bố = Dự phòng cho phần lãi năm trước + Dự phòng cho phần lãi năm nay - Lãi đã thanh toán trong năm.

Việc trích lập dự phòng cho phần lãi chưa công bố phải đảm bảo nguyên tắc:

- Mức trích lập hàng năm của dự phòng này không được vượt quá 10% tổng thặng dư của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi phát sinh trong năm đó; và
- Tổng giá trị của dự phòng cho phần lãi chưa công bố tại mọi thời điểm không được vượt quá 0,5% nhân với thời hạn còn lại trung bình của các hợp đồng có tham gia chia lãi nhân với tổng mức trách nhiệm của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi tại thời điểm đó.

(v) Dự phòng bảo đảm cân đối

Dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập hàng năm tương ứng với 1% lợi nhuận trước thuế cho đến khi số dư của khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính.

(vi) Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết

Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết là khoản dự phòng cho các trường hợp khi tỷ lệ hoàn vốn đầu tư của Công ty thấp hơn mức lãi suất cam kết cho các chủ hợp đồng như được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết được thiết lập ở mức chênh lệch giữa thu nhập đầu tư thực tế của Công ty và thu nhập đầu tư theo lãi suất đã cam kết với các chủ hợp đồng theo quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết được trích lập theo phương pháp phù hợp với Công Văn 16349.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(n) Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Nghị định 46/2023/NĐ-CP, Nghị định 97/2026/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 46 và Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi số dư quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty. Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn chủ sở hữu và bảo đảm khả năng thanh toán.

(o) Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính chưa hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

- ▶ *Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- ▶ *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(o) Công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Tài sản tài chính (tiếp theo)

► Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

► Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

► Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(iii) Giá trị các công cụ tài chính sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210/2009/TT-BTC không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá (ngoại trừ các công cụ tài chính từ quỹ liên kết đơn vị, giá trị sau ghi nhận ban đầu được xác định theo giá trị hợp lý và lãi và lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản đầu tư được ghi nhận là một phần của thu nhập tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020).

185

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm). Phí bảo hiểm bao gồm phí bảo hiểm đã đến hạn nộp phí nhưng chưa thu được, trừ phí bảo hiểm không bắt buộc trong hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị được ghi nhận khi Công ty nhận được, và không bao gồm phí bảo hiểm trả trước hạn.

Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm được hủy bỏ và cần thiết phải hoàn trả phí bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh.

(r) Hoạt động tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm và hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Các khoản có thể thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính phù hợp với các khoản bồi thường đã trả phù hợp với hợp đồng tái bảo hiểm liên quan. Các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm không miễn trừ Công ty khỏi các nghĩa vụ đối với chủ hợp đồng.

Tài sản hoặc công nợ tái bảo hiểm được ghi giảm khi các quyền theo hợp đồng bị hủy bỏ hoặc hết hiệu lực, hoặc khi hợp đồng được chuyển giao cho một bên khác.



Handwritten signature in blue ink.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(s) Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác

Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác bao gồm khoản chi trả đáo hạn, quyền lợi tiền mặt định kỳ, giá trị hoàn lại, chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và quyền lợi tử vong. Quyền lợi đáo hạn được ghi nhận như là chi phí tại ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm. Quyền lợi tiền mặt định kỳ được ghi nhận khi các khoản thanh toán định kỳ đến hạn thanh toán. Giá trị hoàn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thanh toán. Chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và quyền lợi tử vong được ghi nhận khi được phê duyệt.

(t) Doanh thu các hoạt động tài chính

(i) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi nhận được thông báo khớp lệnh các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") (đối với chứng khoán niêm yết) và khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại và trái phiếu được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức, lợi nhuận được chia của Công ty được xác lập trong thời gian nắm giữ chứng khoán. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(iv) Lãi/(lỗ) chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản đầu tư của quỹ liên kết đơn vị

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý với biến động của giá trị hợp lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

(u) Chi phí khai thác bảo hiểm

Tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ từ việc phát hành hợp đồng bảo hiểm mới và gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận là một khoản chi phí khi phát sinh. Không có khoản chi phí khai thác bảo hiểm chờ phân bổ nào được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

(v) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan được đề cập tới bao gồm nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính chưa hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
Tiền		
Tiền mặt	-	154
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.229.587	3.621.744
Tiền đang chuyển	40.974	59.149
Các khoản tương đương tiền (i)	213.323	1.305.000
	3.483.884	4.986.047

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng.

83

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
	Số lượng	Triệu VND
Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị		Triệu VND
- Chứng khoán niêm yết và chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UpCom	508.263.179	23.186.346
- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm		960.439
		22.551.929
		922.774
Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị		
- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	206.692.855	4.651.942
- Chứng chỉ quỹ		2.240.000
		138.457.944
		8.433.116
		1.390.000
Lãi phải thu cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.600.207
		3.994.782
Tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại		7.119.380
		6.944.161
		41.758.314
		44.236.762

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

6. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
Phải thu phí bảo hiểm từ chủ hợp đồng	1.343.497	2.011.041
Phải thu từ bên nhận tái bảo hiểm	16.155	27.253
	1.359.652	2.038.294

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND (trình bày lại)
Phải thu từ hoạt động đầu tư	557.538	168.620
Lãi phải thu ngắn hạn	288.356	181.018
Phải thu từ các đại lý	118.189	136.288
Tạm ứng cho người lao động	625	554
Phải thu khác	12.009	27.836
	976.717	514.316

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND (trình bày lại)
Ký quỹ cho hợp đồng thuê	45.823	40.586
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc (i)	26.000	26.000
Ký quỹ khác (ii)	3.668.494	6.814
	3.740.317	73.400

(i) Ký quỹ bảo hiểm là khoản tiền ký quỹ được tính 2% trên vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Nghị định 46/2023/NĐ-CP. Khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc không được phép rút ra cho đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc có sự chấp thuận trước bởi Bộ Tài chính. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với số tiền là 26.000 triệu VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 26.000 triệu VND) được dùng làm khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc.

(ii) Đây là các khoản ký quỹ đảm bảo nghĩa vụ thanh toán với các đối tác kinh doanh.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Năng cấp tài sản thuê Triệu VND	Đồ đạc và thiết bị vẫn phòng Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	147.961	260.642	9.935	418.538
Mua trong kỳ	-	9.755	-	9.755
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	98	-	-	98
Thanh lý	-	(5.258)	(3.273)	(8.531)
Số cuối kỳ	148.059	265.139	6.662	419.860
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu kỳ	114.088	187.135	5.707	306.930
Khấu hao trong kỳ	14.357	15.916	463	30.736
Thanh lý	-	(4.382)	(2.955)	(7.337)
Số cuối kỳ	128.445	198.669	3.215	330.329
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	33.873	73.507	4.228	111.608
Số cuối kỳ	19.614	66.470	3.447	89.531

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 217.784 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 195.853 triệu VND)

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm vi tính Triệu VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	828.776
Mua trong năm	1.469
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (<i>Thuyết minh 11</i>)	-
Số cuối kỳ	830.245
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	674.998
Hao mòn trong kỳ	35.564
Số cuối kỳ	710.562
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	153.778
Số cuối kỳ	119.683

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 458.114 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 433.714 triệu VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND</i>
Số đầu kỳ	13.991	121.137
Tăng trong kỳ	16.868	13.004
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh 9</i>)	(98)	(27.860)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (<i>Thuyết minh 10</i>)	-	(92.290)
Số cuối kỳ	30.761	13.991

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Số lượng	Triệu VND	Số lượng	Triệu VND (trình bày lại)
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments		25.000		25.000
Đầu tư dài hạn khác				
Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị (a)				
- Trái phiếu Chính phủ	4.301.718	422.219	4.301.718	429.946
- Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	550.000	56.917	550.000	58.358
- Trái phiếu doanh nghiệp	470	182.660	27.470	211.196
- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi dài hạn (c)		855.157		735.425
Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị (b)				
- Trái phiếu Chính phủ	631.024.935	68.605.077	627.124.935	68.429.930
- Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	59.720.000	6.098.001	59.720.000	6.111.611
- Trái phiếu đô thị	8.600.000	879.087	8.600.000	880.876
- Trái phiếu doanh nghiệp	6.050.344	16.037.500	6.473.371	16.487.500
- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi dài hạn (c)		46.740.550		44.859.174
Lãi phải thu cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		562.465		84.150
		140.464.633		138.313.166

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị

Theo quy định hiện hành, trước khi hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị đầu tiên được giao kết, Công ty phải sử dụng một phần quỹ chủ sở hữu để hình thành các tài sản của quỹ liên kết đơn vị phù hợp với chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư và hạn mức đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị và phải bảo đảm giá trị của mỗi quỹ liên kết đơn vị không thấp hơn 50.000 triệu VND. Công ty được hưởng kết quả đầu tư tương ứng với số tiền đã đóng góp vào quỹ liên kết đơn vị. Công ty có thể được hoàn lại một phần hoặc toàn bộ số tiền đã đóng góp nếu giá trị của từng quỹ liên kết đơn vị lớn hơn 50.000 triệu VND (gọi chung là quỹ mỗi). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng giá trị quỹ mỗi đã đóng góp và thu nhập đầu tư lũy kế là 320.011 triệu VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 334.596 triệu VND).

(b) Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị

Quỹ liên kết chung

Theo quy định hiện hành, Quỹ liên kết chung được thành lập trước khi hợp đồng bảo hiểm liên kết chung đầu tiên được giao kết và có tổng giá trị không thấp hơn 50.000 triệu VND. Công ty được hưởng phần kết quả đầu tư tương ứng với số tiền đã đóng góp vào việc thành lập quỹ này ("Quỹ mỗi") theo lãi suất công bố áp dụng cho các chủ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Công ty có thể được hoàn lại một phần hoặc toàn bộ số tiền đã đóng góp nếu vẫn đảm bảo tổng giá trị quỹ liên kết chung không thấp hơn 50.000 triệu VND.

Quỹ hưu trí tự nguyện

Theo quy định hiện hành, Công ty phải sử dụng quỹ chủ sở hữu đóng góp vào quỹ hưu trí tự nguyện và phải duy trì tối thiểu 200.000 triệu VND tại quỹ này ("Quỹ mỗi"). Công ty được hưởng phần lãi suất đầu tư đối với phần đóng góp này tương ứng với lãi suất đầu tư công bố cho chủ hợp đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng giá trị quỹ mỗi mà quỹ chủ sở hữu đã đóng góp là 287.616 triệu VND trong đó gồm 200.000 triệu đồng đã đóng góp ban đầu bằng tiền và thu nhập đầu tư lũy kế (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 284.493 triệu VND).

(c) Tiền gửi dài hạn và chứng chỉ tiền gửi

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc nhiều hơn một năm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND</i>
Phí khai thác bảo hiểm qua kênh ngân hàng (i)	3.865.795	7.533.867
Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị, quảng bá (ii)	246.293	247.426
Công cụ và dụng cụ	5.810	11.461
Chi phí trả trước dài hạn khác	43.597	52.921
	4.161.495	7.845.675

(i) Biến động phí khai thác bảo hiểm qua kênh ngân hàng trong kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND</i>
Số đầu kỳ	7.533.867	7.623.788
Thay đổi trong kỳ	(3.668.072)	(89.921)
Số cuối kỳ	3.865.795	7.533.867

(ii) Biến động của ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị trong kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND</i>
Số đầu kỳ	247.426	248.020
Thay đổi trong kỳ	(1.133)	(594)
Số cuối kỳ	246.293	247.426

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
Quyền lợi tiền mặt định kỳ phải trả	6.743.834	6.543.842
Quyền lợi bảo hiểm phải trả vào ngày đáo hạn	1.324.747	1.240.830
Hoa hồng, thưởng và hỗ trợ phải trả cho đại lý	694.513	749.843
Phí nhượng tái bảo hiểm phải trả	249.754	224.146
Các khoản thưởng phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	124.855	128.982
Các khoản phải trả bồi thường đã phê duyệt	108.750	109.396
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	3.832	3.832
Phải trả khác	48.453	96.354
	9.298.738	9.097.225

15. THUẾ PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP TỪ NHÀ NƯỚC

(a) Thuế phải thu từ nhà nước

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	96	19

(b) Thuế phải nộp cho Nhà nước

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.121	610.898
Thuế thu nhập cá nhân	39.130	44.121
Thuế giá trị gia tăng	-	8
Các loại thuế khác	3.920	27.462
	55.171	682.489

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
Chi phí thưởng và hỗ trợ đại lý	858.168	919.843
Chi phí công nghệ thông tin	842.639	658.799
Chi phí tiếp thị	257.382	262.299
Chi phí nhân sự bao gồm các khoản phúc lợi cho nhân viên	221.389	256.495
Phí tư vấn và dịch vụ chuyên môn	155.771	136.422
Hội nghị và sự kiện	79.612	81.695
Chi phí khác	229.398	226.159
	2.644.359	2.541.712

SV

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
Các khoản phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn:		
- Phí bảo hiểm tạm thu	185.875	158.136
- Phí bảo hiểm nhận trước	38.033	44.027
Phải trả ngắn hạn khác:		
- Phải trả các công ty liên quan (i)	493.777	455.195
- Phải trả khác	20.042	48.364
	737.727	705.722

(i) Phải trả các công ty liên quan bao gồm:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
Phải trả cho công ty con (*)		
- Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	84.806	87.105
Phải trả các công ty liên quan khác (**)		
- Prudential Corporation Holdings Limited	271.867	195.926
- Prudential Service Singapore Pte Ltd	130.810	150.650
- Eastspring Investments (Singapore) Limited	2.409	2.684
- Prudential Investment Management Private Limited	1.765	1.137
- Prudential Assurance Co. Singapore (Pte) Ltd	1.443	8.964
- Prudential Life Assurance (Thailand) PCL	677	4.176
- Pulse Ecosystems Pte Ltd	-	4.553
	493.777	455.195

(*) Các khoản phải trả cho công ty con chủ yếu liên quan đến các khoản phí quản lý quỹ và phí dịch vụ, phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(**) Các khoản phải trả các công ty liên quan không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

18. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Biến động của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
Số đầu kỳ	23.871	23.577
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.531	2.394
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(1.306)	(2.100)
Số cuối kỳ	24.096	23.871

19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND	Thay đổi dự phòng trong kỳ Triệu VND	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND
Dự phòng toán học (i)	132.966.253	(751.213)	132.215.040
Dự phòng phí chưa được hưởng	504.237	(47.935)	456.302
Dự phòng bồi thường	2.823.592	30.624	2.854.216
Dự phòng chia lãi	18.512.482	1.257.143	19.769.625
Dự phòng bảo đảm cân đối	368.312	28.008	396.320
Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	123.956	26.197	150.153
	155.298.832	542.824	155.841.656

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, dự phòng toán học bao gồm các khoản dự phòng phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm tương ứng với giá trị tài khoản như sau:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND
Quỹ liên kết đơn vị – đầu tư	26.901.231	26.026.998
Quỹ liên kết chung – đầu tư	11.850.860	11.229.655
Quỹ hưu trí – đầu tư	2.451	2.407
	38.754.542	37.259.060

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

Năm trước	Vốn góp Triệu VND	Quỹ dự trữ bất buộc Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	7.697.750	769.775	17.905.613	26.373.138
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	3.870.121	3.870.121
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7.697.750	769.775	21.775.734	30.243.259
Năm nay				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	7.697.750	769.775	21.775.734	30.243.259
Lợi nhuận đã phân phối cho chủ sở hữu trong kỳ	-	-	(5.104.000)	(5.104.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.346.957	2.346.957
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	7.697.750	769.775	19.018.691	27.486.216

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND</i>
Bảo hiểm liên kết đầu tư	4.943.633	5.439.103
Bảo hiểm hỗn hợp	2.371.725	3.174.200
Sản phẩm bổ trợ	756.862	837.341
Bảo hiểm sức khỏe	303.371	287.291
Bảo hiểm tử kỳ	103.207	140.566
Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	11.302	13.514
Bảo hiểm hưu trí	60	96
Phí bảo hiểm được hoàn lại	(48.287)	(110.020)
Phí bảo hiểm gốc	8.441.873	9.782.091
Giảm dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng của bảo hiểm gốc (<i>Thuyết minh 19</i>)	47.935	69.292
	8.489.808	9.851.383

22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND</i>
Bảo hiểm hỗn hợp	90.507	90.438
Bảo hiểm sức khỏe	82.381	77.583
Sản phẩm bổ trợ	69.246	72.748
Bảo hiểm liên kết đầu tư	24.501	34.021
Bảo hiểm tử kỳ	4.492	6.106
Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	58	74
	271.185	280.970

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM KHÁC

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác	8.368.060	7.410.280
Trong đó:		
- Bảo hiểm hỗn hợp	4.504.698	3.960.670
- Bảo hiểm liên kết đầu tư	3.440.006	2.949.415
- Sản phẩm bổ trợ	194.959	215.941
- Bảo hiểm sức khỏe	136.023	122.249
- Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	51.156	114.155
- Bảo hiểm tử kỳ	41.159	47.850
- Bảo hiểm hưu trí	59	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(191.979)	(254.317)
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	590.759	2.903.330
	8.766.840	10.059.293

24. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	269.038	334.455
Chi phí giám định bồi thường	7.940	13.565
Các chi phí khác cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1	30
	276.979	348.050

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
Thu nhập lãi từ:	4.491.807	4.243.238
- Trái phiếu	2.511.434	2.525.995
- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi	1.753.290	1.459.474
- Khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại	227.083	257.769
Phân bổ phụ trội của các trái phiếu	(225.138)	(220.576)
Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư của các quỹ liên kết đơn vị bao gồm lãi/(lỗ) đánh giá lại	1.037.719	50.973
Cổ tức	773.726	150.294
Hoạt động tài chính khác	(403)	(3.279)
	6.077.711	4.220.650

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND</i>
Chi phí hoạt động đầu tư	242.853	202.837
Trong đó:		
- Phí quản lý đầu tư	145.767	140.918
- Phí môi giới chứng khoán	36.479	-
- Chi phí khác	60.607	61.919
Quyền lợi tiền mặt định kỳ trả cho chủ hợp đồng	138.126	122.167
	380.979	325.004

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND</i>
Thưởng, hỗ trợ và quyền lợi khác cho đại lý bảo hiểm	282.333	639.051
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, hội thảo khách hàng	94.400	81.148
Chi phí liên quan đến thu phí và quản lý hợp đồng bảo hiểm	64.878	76.146
Chi phí bán hàng khác	224.103	157.354
	665.714	953.699

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND</i>
Chi phí nhân sự bao gồm các khoản phúc lợi cho nhân viên	735.537	713.546
Chi phí văn phòng phẩm, công cụ và thiết bị	267.639	172.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	250.126	226.985
Chi phí dịch vụ từ vùng	115.629	78.921
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.272	95.714
Thuế, phí và lệ phí	3.244	3.566
Chi phí khác	340.609	9.836
	1.769.056	1.301.221

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong năm 2026 (2025: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.392	226.395
Thuế TNDN trích thêm cho các năm trước	20.907	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(2.305)	(93.188)
Chi phí thuế TNDN	82.994	133.207

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.429.951	811.605
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán khi tính thuế TNDN		
Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	368.200	4.724
Các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế TNDN	11.523	465.938
Thu nhập chịu thuế	2.809.674	1.282.267
Thu nhập miễn thuế	(2.487.712)	(150.294)
Tổng thu nhập tính thuế	321.962	1.131.973
Thuế TNDN phải nộp cho năm tài chính theo thuế suất 20% (2025: 20%)	64.392	226.395
Thuế TNDN trích thêm cho các năm trước	20.907	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(2.305)	(93.188)
Chi phí thuế TNDN	82.994	133.207

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo năm nay và kỳ báo cáo năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	546.615	532.676	13.939	93.026
Các khoản dự phòng	4.819	4.774	45	187
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(33)	(33)	-	(25)
Khác	11.679	23.358	(11.679)	-
	563.080	560.775	2.305	93.188
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ròng	563.080	560.775		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ			2.305	93.188

Handwritten signature/initials.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09 – DNNT

30. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Hội đồng thành viên:

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND</i>
Chi phí nhân sự bao gồm các khoản phúc lợi	58.521	52.120

31. CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND</i>
Được duyệt và đã ký kết hợp đồng	129.307	87.089

(b) Hợp đồng thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2026 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Triệu VND</i>
Trong vòng một năm	139.598	137.120
Trong vòng hai đến năm năm	136.731	103.229
	276.329	240.349

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, theo quy định tại Thông tư 99, căn cứ vào kỳ hạn còn lại của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Công ty trình bày khoản lãi liên quan đến khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ khoản phải thu sang khoản đầu tư tài chính. Công ty đã thực hiện trình bày lại một số dữ liệu tương ứng cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2025 trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chi tiết phần trình bày lại dữ liệu tương ứng cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2025 trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

Trích từ báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026:

Đơn vị tính: Triệu VND

Chỉ tiêu	Mã số	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (đã trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	51.782.536	-	51.782.536
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	40.241.980	3.994.782	44.236.762
1. Đầu tư ngắn hạn	121	40.241.980	3.994.782	44.236.762
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6.481.744	(3.994.782)	2.486.962
3. Các khoản phải thu khác	135	4.509.098	(3.994.782)	514.316
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	147.072.393	-	147.072.393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	157.550	(84.150)	73.400
1. Phải thu dài hạn khác	218	157.550	(84.150)	73.400
1.2 Phải thu dài hạn khác	218.2	131.550	(84.150)	47.400
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	138.229.016	84.150	138.313.166
1. Đầu tư dài hạn khác	258	138.204.016	84.150	138.288.166

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026:

Đơn vị tính: Triệu VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (đã trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (trình bày lại)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	40.241.980	3.994.782	44.236.762
Lãi phải thu cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	-	3.994.782	3.994.782
Các khoản phải thu khác	7	4.509.098	(3.994.782)	514.316
Lãi phải thu ngắn hạn	7	4.175.800	(3.994.782)	181.018
Các khoản phải thu dài hạn khác	8	157.550	(84.150)	73.400
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên một năm	8	84.150	(84.150)	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	138.229.016	84.150	138.313.166
Lãi phải thu cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12	-	84.150	84.150

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 30 tháng 06 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
1.	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	24,19	26,04
	Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	0,12	0,14
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	75,81	73,96
2.	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	86,03	84,79
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	13,97	15,21
3.	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành			
	<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	3,65	3,91
	Khả năng thanh toán nhanh			
	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,27	0,38
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025</i>
4.	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	1,24	0,42
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	28,55	7,08
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,54	2,51

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Ta Minh Trí

Ta Minh Trí
Kế toán Báo cáo

Phạm Bích Liên

Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng



Kevin Joong Kwon
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2026